

MỘT CÂU HỎI VƯƠNG VẤN CẢ ĐỜI

Hai Bâu

Tôi không nhớ được vào học trường Petrus Ký năm 1954 hay 1955 nhưng nhớ rất rõ chỉ học ở trường này có 3 năm. Lúc đó có phong trào thi nhảy và có nhiều tin đồn rằng giáo sư các trường tư dạy rất "hấp dẫn" nên tôi "dại dột" bỏ trường đi học trường tư sau khi học hết năm đệ Ngũ và đậu bằng Trung học Đệ Nhất Cấp. Vì vậy kỷ niệm đối với ngôi trường danh tiếng này tôi không có nhiều.

Nhân đọc đặc san Pétrus Trương Vĩnh Ký 1999 thấy có nhiều bài hay và vui, tôi cũng thử viết lại vài kỷ niệm của mình cộng một chút suy tư thì cũng kể như mình vinh hạnh được đóng góp chút gì nhỏ mọn cho Hội.

VÀI KỶ NIỆM VUI

Hàng giáo sư tôi chỉ còn hình dung được hình dáng của thầy Ba mập mập dạy Pháp văn, thầy Nguyễn Hữu Ba ốm và thầy Antoine Marcel (?) chân có tật dạy nhạc, thầy Võ Hoài Nam trẻ tuổi đẹp trai mới ở Pháp về dạy hóa học, Cô S. dạy sử, Cô H. dạy hóa học, Thầy Ý dạy vẽ v.v... Giám thị thì khó ai quên được "Monsieur Le Cahier" và "Petit Chose" hỗn danh của thầy Tập vì học sinh cho rằng thầy khó, nhỏ mọn và cũng là người bị học sinh chọc phá nhiều nhất.

Học sinh thì có anh Nô lớn nhất lớp. Anh từ Gò Công lên cùng với anh Huệ và Phạm Huỳnh Tam Lang, cầu thủ nổi tiếng sau này. Nhỏ tuổi và học giỏi là Dương Bình Dương về sau dường như làm nghề thầy thuốc. Hiền lành thì có Bùi Vĩnh Thạnh, anh em chú bác với hiệu trưởng Bùi Vĩnh Lập sau này.

Nhưng nhân vật nổi bật nhất là anh Thanh với những giai thoại cùng thầy Ý và

cô H. Tôi không nhớ rõ anh bị tội gì mà gần như trọn năm đệ Thất sau khi điểm danh là thầy Ý chỉ anh và hỏi:

- Trò tên gì?
- Dạ em tên Thanh.
- Zéro consigne

Thầy Ý nhỏ con, hơi đen, mang kiến cận màu, tóc ngắn, dạy vẽ và dường như có dạy nắn tượng nên thầy dẫn chúng tôi đến xem ngôi tượng Phật to lớn thầy đang đắp tại Chùa Xá Lợi.

Lúc đó chúng tôi học năm đệ ngũ, tuổi trung bình khoảng 16, 17. Trong lớp cũng có nhiều anh học trẽ, lớn hơn và cô H. chắc khoảng 24, 25. Cô tính tình vui vẻ thường mặc áo dài trắng mang kiến trắng. Một hôm cô đang dạy một thí nghiệm hoá học trong ống nghiệm có khói bốc lên cô nói:

- Hai chất này phản ứng với nhau nên sinh nhiệt làm ống nghiệm nóng lên, có em nào muốn sờ thử không?

Tụi học trò phía dưới nhao nhao lên:

- Cho em sờ, cho em sờ, cô.

Lần khác sắp bãi trường nghỉ Tết cô vui vẻ nói với học trò:

- Tết đến nhà cô không có gì tặng các em, cô chỉ có các lá thăm ghi điểm em nào bốc trúng 10 điểm thì năm đó được hên, em nào được 5 điểm thì không được hên. Các em chịu lấy không?

- Em lấy, em lấy, cô.

Quả là "nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò". Thanh là một thanh niên có cá tính rất mạnh và rất hay chọc phá người khác nhưng tới giờ này tôi vẫn còn hâm mộ anh. Trong lớp làm bài anh có thể nhỏ điểm hơn tôi nhưng ra đời anh

thành công hơn nhiều. Năm 1969 khi tôi là một thiếu úy Công Binh từ tỉnh nhỏ về phép Sài Gòn chở vợ bằng chiếc Malaguti thổ tả, gặp anh đang ngự trên chiếc Dauphine mũi trần màu trắng, sang cả bóng loáng, mặc bộ quân phục rất hào hoa phong nhã, trên cầu vai mang lon đại úy Không quân. Rất tiếc từ đó đến nay hơn 30 năm tôi chưa được gặp lại anh.

CÂU HỎI VẤN VƯƠNG

Trên đây là những kỷ niệm nhớ lại cũng thấy vui vui. Nhưng một kỷ niệm khác lại làm cho tôi vương vấn trên 40 năm nay. Năm đệ ngũ tôi học Sử ký với cô S. Lúc đó tôi thật sự là một anh ốm yếu cao nhông, nhút nhát và rất sợ thầy cô. Cô gọi tôi lên bảng trả bài và hỏi:

- Theo em sau một ngàn năm đô hộ của người Tàu dân ta được lời hay lẽ?

Tôi thật sự bối rối nhưng chợt nhớ đến việc Tích Quang, Nhâm Diên có dạy dân ta cấy bừa chữ nghĩa, lễ phép v.v. nên ấp úng trả lời đại rằng :

- Thưa cô dân ta được lời.

Câu trả lời được cô khen giỏi cho tôi điểm lớn nhưng tự trong thâm tâm tôi không biết thật sự đúng hay sai vì ngày đó tôi chưa biết chứng minh và sau này tôi chưa có dịp chứng minh.

Nhân có đi sinh hoạt với anh em trong Hội Petrus Ky (Úc châu), nhớ lại chuyện xưa và đang túng đề tài, tôi bỗng tự hỏi sao mình không thử lật vài trang sử tìm hiểu vấn đề này cho rõ hơn để giải tỏa một thắc mắc tồn tại trong lòng quá lâu. Tôi vốn quê mùa ít học, dốt sử ký, rất e ngại khi đụng chạm vấn đề này nhưng trong lòng cứ băn khoăn thắc mắc nên đành viết đại ra giấy rất mong được những bậc cao minh vui lòng chỉ giáo cho.

THEO DÒNG SỬ VIỆT

(Viết theo Việt Nam Sử lược của Trần Trọng Kim)

Sử chép rằng dân tộc ta xuất phát từ miền Lĩnh Nam bên Tàu, thiên di lần về vùng duyên hải phía Đông Nam. Tôi xin tạm chia lịch sử nước ta làm năm thời kỳ để bài viết dễ hiểu:

1. Thời kỳ Thượng cổ: Gồm họ Hồng Bàng từ Năm 2879 đến năm 258 trước Tây Lịch (tr.tl), Nhà Thục (257-207 tr.tl) và nhà Triệu (207- 111 tr.tl) tổng cộng 2.768 năm.

2. Thời kỳ Bắc thuộc : Gồm Bắc thuộc lần thứ nhất (111 tr.tl - 39 stl), Trưng Vương (40-43 stl), Bắc thuộc lần thứ hai (43-544 stl), Nhà Tiền Lý (544-602), Bắc thuộc lần thứ ba (603-939), tổng cộng 1050 năm.

3. Thời kỳ Tự chủ : Gồm các nhà Ngô, Đinh, Tiền Lê Lý, Trần, Lê Tây Sơn và Nguyễn từ năm 939 đến năm 1884, tổng cộng 945 năm.

4. Thời kỳ Pháp thuộc: từ năm 1884 (hiệp định Patenôtre) đến năm 1954 (Pháp rút quân) dài 70 năm

5. Thời kỳ hiện đại : Từ năm 1954 đến nay dài 46 năm.

Muốn biết được trên một ngàn năm bị người Tàu đô hộ dân ta lời hay lẽ, có lẽ nên xét những sự kiện lịch sử xảy ra vào hai thời kỳ Bắc thuộc và thời kỳ Tự chủ vì thời kỳ Thượng cổ rất thiếu sử liệu và từ thời Pháp thuộc trở về sau, nước ta lại bị lâm vào vòng lệ thuộc và tiếp xúc với nền văn minh khác.

NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ

Văn hoá theo định nghĩa là tổng thể giá trị tinh thần và vật chất của một dân tộc nhưng ở đây xin theo cách của cụ Đào Duy Anh trong "Việt Nam Văn Hoá Sử Cương" để xét thử xem văn hoá Hoa tộc ảnh hưởng

đến Việt tộc của chúng ta như thế nào về các phương diện kinh tế chánh trị xã hội và sinh hoạt trí thức.

1. Sinh hoạt kinh tế :

Đời thượng cổ, người Việt chỉ biết săn bắn và đánh cá và biết làm nghề nông nhưng còn ở trạng thái thô sơ. Tới thời Bắc thuộc mới học được phép cày bừa và biết làm đồ dùng bằng sắt. Sử chép rằng quan Thái thú quận Cửu Chân là Nhâm Diên dạy dân cày bừa để khẩn đất và dùng sắt để làm điện khí. Từ đó nền nông nghiệp của nước ta lần lần phát triển lên nhờ biết phối hợp kinh nghiệm với thổ nghi và hoàn cảnh của xứ mình. Cái kỹ thuật canh tác ấy tuy rằng rất cũ kỹ nhưng rất đặc dụng và giúp dân ta sống còn và phát triển cho đến ngày nay.

Dân ta cũng học hỏi người Tàu về phương pháp chăn nuôi đánh cá dẫn thủy nhập điền, kỹ năng công nghệ, thương mại giao thông, sử dụng tiền tệ, tổ chức làng xã thành thị; vua quan ta lần lần thiết lập chánh sách canh nông, chế độ điền thổ, chế độ thuế khoá v.v....

Tóm lại nhờ sống chung với người Tàu, chịu sự cai trị của người Tàu lâu tới ngàn năm, tiêm nhiễm văn hoá Tàu rất sâu đậm nên việc sinh hoạt kinh tế của ta đã đạt được trình độ đáng kể trước khi người Pháp đến.

2. Sinh hoạt xã hội và chánh trị

Sử chép rằng "khi nước Văn Lang bị người Tàu chinh phục vào thế kỷ thứ III và thứ II trước kỷ nguyên thì tổ tiên ta đương còn ở trạng thái gia đình mẫu hệ (matriarcat) và còn có tục đàn bà goá phải tái giá với anh em chồng (lévirat). Song từ buổi Bắc thuộc trạng thái xã hội đời đời lần lần và phong tục lần lần đồng hoá theo Tàu cho nên gia tộc mẫu hệ biến thành gia tộc phụ quyền. (ĐDA/VNVHSC/Tr.105)

Từ đó gia đình phát triển tiến tới chế độ gia trưởng, tộc trưởng, qui định địa vị người đàn bà, địa vị con cái, việc kết hôn, sự thừa kế hương hoá v.v... Từ gia đình tiến tới chế độ xã thôn đặt phong tục phân chia quận huyện, sắp đặt việc trị nước, thành lập nền quân chủ, định triều nghi, định quan chế quân chế pháp chế v.v... thành lập được một quốc gia văn hiến có kỷ cương, có sức mạnh, không những bảo vệ được giang sơn cấm tú mà còn mở mang bờ cõi to lớn như ngày hôm nay.

3. Sinh hoạt trí thức

Trí thức sinh hoạt hay học thuật và tư tưởng đóng một vai trò quan trọng trong sự tiến bộ của một cộng đồng hay xã hội và những gì chúng ta thụ đắc được trong suốt thời kỳ Bắc Thuộc và thời kỳ Tự Chủ cũng phát xuất từ người Tàu. "Ở đời thượng cổ, nước ta đương ở trạng thái mông muội chưa có gì có thể gọi là học thuật tư tưởng được. Đến thời đại Bắc thuộc thì người nước ta mới bắt đầu có Hán học. Sử chép rằng Sĩ Nhiếp vào đời Đông Hán đem thi thư mà dạy dân" (ĐDA/VNVHSC/Tr 233). Trong thời kỳ Bắc thuộc, chữ viết cùng với Nho giáo và Lão giáo được truyền bá vào nước ta. Phật giáo tuy phát xuất từ Ấn Độ nhưng truyền vào nước ta qua trung gian người Tàu với phái Đại thừa (1). Bất chước Tàu, ông cha ta tổ chức giáo dục định các khoa thi để tuyển mộ nhân tài. Do đó giáo dục văn học nghệ thuật nước ta phát triển cùng với những bộ môn kiến trúc điêu khắc âm nhạc hát múa v.v.. để tạo nên cuộc sống văn minh hạnh phúc. Khoa học với y học thiên văn sử ký địa dư tuy rằng rất lạc hậu so với ngày nay nhưng cũng đủ giúp dân ta duy trì nòi giống giữ gìn sức khoẻ và giúp nhà lãnh đạo học hỏi kinh nghiệm định được hướng đi và thiết lập kế hoạch hiệu quả cho việc trị nước.

Nhưng quan trọng hơn hết là tư tưởng "

tam giáo đồng nguyên" đã thấm sâu vào xương tuỷ của dân ta cho đến ngày hôm nay. Tư tưởng này được hình thành từ đời Tam quốc cho đến đời Đường bên Tàu thì đã phổ thông lắm. Truyền vào nước ta tư tưởng này đã góp phần tạo ra hai triều đại rực rỡ Lý Trần. Tới đời Lê Nguyễn tuy triều đình muốn độc tôn Nho giáo (Tống Nho) nhưng trong dân gian tư tưởng này vẫn còn sâu đậm.

Khổng giáo đúng ra là một học thuyết về chính trị và luân lý và thiên về thực hành (hay nhập thế). Về chính trị tư tưởng trọng yếu của đức Khổng tử là thuyết chính danh để "Vua phải đúng đạo vua, tôi phải theo đúng đạo tôi, cha phải đúng đạo cha, con phải đúng đạo con". "Điều trọng yếu của thuyết chính danh là đại nghĩa tôn vương, bài xích sự tiếm việt của chư hầu cốt mưu cuộc thống nhất quốc gia". Về luân lý tư tưởng của ngài có thể tóm tắt trong mấy điều : Nhân, hiếu đễ, trung thứ và lễ nhạc".(ĐĐA/VNSC/Tr. 241)

Học thuyết về chánh trị của Ngài giúp cho con người tự tin chính mình và nước nhà được tổ chức chặt chẽ an bình kỷ cương không có cảnh bạo loạn đảo điên như tôi giết vua, con giết cha, chư hầu lấn quyền thiên tử.

Học thuyết về luân lý giúp con người tu dưỡng tính tốt và qui định cách cư xử giữa con người và con người sao cho có trật tự hợp với tình cảm của mình mà cũng hợp với đạo trời.

Phật giáo với tinh tuý là thuyết Tứ Diệu Đế trong đó giải nghĩa tại sao "đời là bể khổ" và phương pháp tu tập làm sao để thoát khỏi cảnh khổ. Giáo lý nhà Phật thâm diệu bao la thiên kinh vạn quyển nhưng người dân bình thường Việt Nam từ đời này qua đời khác thường chỉ biết ở phần giản lược như tin rằng có cảnh niết bàn, có luật luân hồi nhân quả, có đức Phật Bà Quan Âm cứu khổ cứu nạn... nghĩa là

có một sức mạnh siêu hình chi phối chúng ta. Các chữ *Nghiệp và từ bi hỷ xả* giúp con người cố gắng vươn lên làm điều thiện và cũng giúp an ủi con người trong cơn hoạn nạn.....

Như vậy đạo Phật giúp thoả mãn những khao khát về tâm linh, xoa dịu tình cảm và đưa con người hướng về đạo đức và luân lý cao thượng.

Đạo Lão tuy trong dân gian đã biến thể thành mê tín dị đoan ngời đồng bói toán... nhưng ở phần cao diệu của nó đã giúp con người nhìn đời uyên bác hơn và cũng giúp những bậc anh tài trong thiên hạ nhưng thất bại trong cuộc đời vì sinh bất phùng thời (hay "sinh lâm thế kỷ") hoặc những bậc chí sĩ chán cảnh quan trường tìm ra hướng đi có thể vượt được lương tâm và giúp cho tâm hồn được thanh thản..

Tóm lại Khổng Phật Lão đã giúp người Việt Nam quân bình được đời sống có tinh thần cứng cỏi có lý trí sáng suốt tình cảm được an ủi vỗ về và những tín ngưỡng về thế giới siêu hình cũng được thoả mãn.

MÓN LỜI QUÁ LỚN

Theo tôi một ngàn năm Bắc thuộc ngoài việc giúp dân ta thu đạt những thành tựu văn hoá nói trên còn có một hệ quả khác cũng không kém phần quan trọng: *đó là chúng ta không chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ*. Nhìn trên bản đồ ta thấy toàn thể các nước Đông Nam Á trừ Việt Nam đều chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn. Có lẽ sớm nhất là Java trên quần đảo Indonesia rồi tới Phù Nam (và hậu duệ của đế quốc này là Campuchia), Chiêm Thành, Miến Điện, Thái Lan, Mã Lai, v.v...Đặc tính của văn hoá Ấn là xây dựng được nền văn minh rất cao và rất sớm nhưng vì chịu ảnh hưởng nặng nề của các tôn giáo chú trọng về thế giới siêu nhiên có tính cách bi quan, thích tu khổ hạnh nhưng xao lãng thực tế thế gian như đạo Bà La Môn, đạo Jain (Ky-Na

giáo) và đạo Phật nên khi đối đầu với những dân tộc theo tôn giáo có tinh thần thực tiễn, có tính chiến đấu cao như Hồi giáo Ki Tô giáo hay Khổng giáo thì nền văn minh của mình bị tàn phá, của cải bị cướp đoạt, đất nước bị đô hộ hay có khi còn bị diệt vong. Ta có thể chứng minh điều này khi đọc qua lịch sử Ấn Độ và các nước Chiêm Thành và Campuchia.

Ấn là một quốc gia vĩ đại về diện tích và dân số, và từ đời cổ đại đã có một nền văn minh rực rỡ. Về phương diện triết học văn học nghệ thuật kinh tế khoa học kỹ thuật... có những lúc họ vượt qua Trung hoa với vô số của cải vật chất, những đô thị đông đúc, những đền đài lộng lẫy, những áng văn thơ, những tác phẩm điêu khắc, nhất là những tư tưởng thâm diệu về thế giới siêu hình. Nhưng khi đối đầu với những dân tộc khác theo Hồi Giáo hay Thiên Chúa giáo người Ấn đành chịu khuất phục để trở thành dân bị trị.

Từ trước công nguyên, Alexandre Đại Đế từ miền địa Trung Hải đã đánh chiếm một phần Ấn Độ. Từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ XVIII các dân tộc theo Hồi giáo như người Ả Rập người Thổ Nhĩ Kỳ người Mông Cổ đã lần lượt xâm nhập cướp phá rồi chiếm luôn nước và thiết lập chế độ cai trị.

Hãy nghe tiếng than của sử gia Mỹ Will Durant trong Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ (Nguyễn Hiến Lê dịch) về giai đoạn này của lịch sử Ấn: "*Suốt lịch sử nhân loại có lẽ không có trang sử nào đẫm máu bằng trang sử Hồi xâm chiếm Ấn Độ. Đọc nó ta đâm ra chán nản vì thấy rằng văn minh là cái gì rất mong manh cái thế thái bình bấp bênh trật tự mà lại tự do văn vẻ đó có thể bị phá huỷ bất kỳ lúc nào do những kẻ dã man ở ngoài vô, có khi do những quân dã man sinh ra ngay ở trong xứ nữa. Người Ấn Độ đã phí sức trong các cuộc tranh biện và nội chiến, họ đã theo đạo Phật và đạo Jain*

mà những đạo đó không hợp với sự tranh đấu dũng cảm cần thiết cho đời sống, họ lơ là với việc phòng vệ biên cương và kinh đô bảo vệ của cải và tự do, và các dân tộc Scythe, Hung Nô, Ả Phú Hãn, Thổ rình rập ở chung quanh, lúc nào thấy tinh thần quốc gia của Ấn xuống là xông vô liền. Trong bốn trăm năm (600-1000) Ấn Độ là cái môi nhử họ và sau cùng cuộc xâm lăng xảy ra." (Trang 139)

Và trong lúc bị ngoại xâm như thế tình cảnh người Ấn thế nào? Xin đọc tiếp đoạn trích dẫn sau đây cũng trong cùng một cuốn sách. "*Không một người Ấn nào dám chắc giữ được thủ cấp vàng bạc hoặc một vật thừa nào của mình... Đánh đập, bêu chơ, lột khảm, cột chân, cột tay mọi phương tiện đều được dùng để bắt họ nộp thuế"*.

Và trong tình cảnh ấy người Ấn nghĩ gì? "*Họ không còn đủ sức chống lại nữa và tìm nguồn an ủi trong những thuyết siêu nhiên họ bảo làm chủ hay làm nô lệ thì cũng là ảo tưởng, cái gì cũng hư vô hết, đời người ngắn ngủi quá hơi đâu mà nghĩ tới chuyện bảo vệ tự do của mình hay của dân tộc. Bị kịch đó để lại cho ta một bài học chua chát: phải luôn luôn cảnh giới mới bảo vệ được nền văn minh. Một dân tộc yêu hoà bình nhưng luôn luôn giữ gìn cho thuốc súng được khô"* (Trang 144).

Rồi vào thế kỷ thứ XVIII khi triều đại của kẻ xâm lăng Hồi suy yếu và đám thực dân Tây Phương đổ xô đến các nước Á châu tìm thuộc địa thì Ấn là nước bị chiếm trước tiên và một dúm người Anh phiêu lưu giáo hoạt đã đặt được ách thống trị lên đầu lên cổ mấy trăm triệu dân Ấn.

Cái văn hoá vừa cao cả vừa bi quan ấy của Ấn được các nước Đông Nam Á sao lại và đem áp dụng. Nhưng Miến Điện Thái Lan (và Campuchia vào khoảng thế kỷ XIV) theo Phật giáo Tiểu Thừa phần nào có tính cách thực tiễn và đề cao công bình

xã hội, Indonesia và Mã Lai về sau theo Hồi giáo thờ nhất thần và có tinh thần chiến đấu cao nên đi vào ngã rẽ khác. Chỉ riêng các dân tộc Phù Nam Khmer và Chiêm Thành có số phận bất hạnh hơn.

Theo quyển Đông Nam Á sử lược của D.G.E. HALL (*Nguyễn Phút Tấn dịch*) thì nước Phù Nam do Kaundinya một người Bà La Môn sáng lập vào thế kỷ đầu dương lịch kinh đô Vyadhapura (đô thị của người săn bắn) nằm trong tỉnh Prey Veng của Campuchia ngày nay và Óc Eo trong tỉnh Rạch Giá là thương cảng trù phú. Cho tới khi bị lật đổ vào bán thế kỷ thứ VI Phù Nam là một đế quốc chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ, có lãnh thổ từ Phan Rang đến vịnh Bangale bao trùm các Nam Việt Campuchia Thái Lan và Mã Lai ngày nay. Theo các bia đá còn lại thì người Phù Nam dùng Phạn ngữ, thờ các vị Thần trong Ấn Giáo như thần Brahma Thần Siva, thần Vishnu. Họ cũng theo Phật giáo phái Savite (thờ Phật Tổ như một vị thần).

Chân Lạp là một thuộc quốc của Phù Nam, nằm về phía đông bắc cũng chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ nổi lên lật đổ Phù Nam thừa kế đế quốc và có lúc họ đô hộ luôn Chiêm thành. Cho tới khi Thái Lan lập quốc vào thế kỷ thứ XIII đế quốc Khmer có một nền văn minh rực rỡ với những đền thờ Đế Thiên Đế Thích vĩ đại nhất hoàn cầu. Nhưng cũng vì Vua quan của họ tin rằng khi chết sẽ thành Phật vương hay các vị thần nên đua nhau xây cất những đền thờ tráng lệ để thờ mình làm cạn kiệt sức dân quốc gia bị suy yếu thêm vào đó là việc thường xuyên tranh dành ngôi báu giữa người của hoàng tộc nên bị các lân quốc xâm chiếm. Năm 1431 Thái chiếm kinh thành Angkor cướp sạch của cải triều đình Chân Lạp phải dời đô về Nam Vang. Phía Đông Nam cũng xảy ra chiến tranh với Chiêm Thành rồi sau đó với Đại Việt dân tộc Khmer càng suy yếu

và lãnh thổ càng bị thu hẹp.

Chiêm Thành khi lập quốc có tên là Lâm Ấp. Năm 192 Khu Liên nổi lên chiếm vùng Bình -Tri-Thiên ngày nay để lập quốc. Trong lịch sử có lúc họ cũng là một quốc gia hùng cường, có những vị vua anh hùng đem binh đánh vào Đại Việt hay Campuchia. Họ chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn như dân tộc Khmer. Các di tích còn lại trong các bia đá hay các đền thờ có những dấu vết của các vị thần của Ấn giáo. Họ là một dân tộc dũng mãnh nhưng thiếu sự tổ chức kiên cố và kỷ luật lần lần lớp bị ngoại xâm lớp bị nội chiến họ đành bị diệt vong.

Khác với Ấn, Miên và Chiêm Thành, dân tộc ta nhờ chịu ảnh hưởng Trung Hoa mà có ý thức bảo vệ biên cương rất nghiêm mật. Suốt dòng lịch sử dù lúc suy yếu tốt cùng hay bị thúc đẩy bởi dục vọng, vua quan ta không có lệ cắt đất làm quà cho ngoại bang như cái kiểu Chế Mân dâng đất để cưới công chúa Huyền Trân hay các vua Chân Lạp dâng đất cho người ngoài để bảo vệ ngai vàng. Và kể từ khi được tự chủ vào năm 939 dù bị xâm lăng thô bạo cách nào ta cũng tìm cách lấy lại cho được giang sơn.

Việc phế lập nước ta cũng có nhưng không thường xuyên như các triều đình Chiêm Thành và Chân Lạp có lẽ nhờ Nho giáo với thuyết chính danh. Lần nội chiến lâu nhất là thời Trịnh Nguyễn nhưng vua Lê vẫn không bị lật đổ.

Vua chúa ta cũng xây lăng mộ thành quách cho mình nhưng suốt lịch sử ta không thấy những công trình nào quá lớn lao để dân chúng bị đầy đoạ đau khổ, nước nhà suy yếu. Đời Nguyễn kinh đô Huế và các lăng tẩm tuy có vẻ to tát nhưng không thể nào sánh được Đế Thiên Đế Thích hay những ngôi đền chùa tráng lệ ở Campuchia Thái Lan, Miến Điện. Và khi có sự ta thán, vua Tự Đức đã vội vàng thu nhỏ công trình xây dựng và sửa tên lăng Vạn Niên

của mình thành Khiêm Lăng.

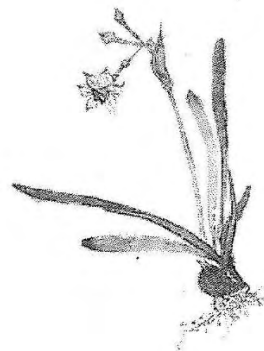
Cùng với những thành tựu khác, ba đặc tính vừa kể của vua quan ta đã giúp dân tộc được trường tồn và biên cương được mở rộng. Theo tôi đó là một món lời rất lớn nhờ học hỏi người Tàu.

ĐIỀU LỖ CŨNG KHÔNG NHỎ

Ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa có thể được coi như " một hành trang " để dân tộc ta lên đường phát triển. Tiếc rằng thời gian "tu luyện" và trang bị quá lâu tới hơn một ngàn năm. Một ngàn năm Bắc Thuộc đó thành tích của dân tộc ta về mọi mặt rất khiêm nhường. Cũng có những triều đại vẻ vang với những tên tuổi lẫy lừng như Bà Trưng Bà Triệu Phùng Hưng Mai Hắc Đế... nhưng tiếc thay lại là những triều đại quá ngắn ngủi. Quan cai trị toàn là người Tàu thường là bạo ngược tham ô chính trị tàn ác bắt dân ta lên rừng xuống bể để tìm ngọc ngà châu báu và thâu tóm những đặc quyền đặc lợi về kinh tế. Họa hoàng lâm mới có người bản xứ như Lý Cầm Lý Tiến được học hành đỗ đạt làm quan. Nhưng có lẽ những người này cũng là con cháu của quan lại cai trị. Phong tục tập quán cách ăn ở sách vở... đã lần lần truyền qua nước ta từ lâu nhưng Sĩ Nhiếp được xem là Học Tổ vì có công mở mang việc học hành và thi cử. Tuy vậy văn học nghệ thuật nước ta chưa có gì và cũng không có danh sĩ nào nổi tiếng. Và một điều hết sức đáng chú ý là suốt một ngàn năm đó lãnh thổ nước ta chỉ gồm ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam và biên giới với Chiêm Thành không thay đổi. Trong thời gian này người Nam Chiếu tiền thân của xứ Thái đã một lần đánh phá Bắc Việt và người Chiêm Thành nhiều lần xâm phạm biên cương. Tàu là một nước mạnh nhưng những quận huyện mà họ chiếm của nước ta quá xa xôi lại là nơi rừng thiêng nước độc bị coi là nơi đi

đầy của những quan lại phạm lỗi hay những người tội phạm thành thử họ đến đây để bóc lột chớ không chú ý phát triển. So sánh với thời kỳ độc lập quả thật thời kỳ này ta bị lỗ rất nặng như dẫn chứng dưới đây.

Khi Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán khởi đầu nền tự chủ vào năm 939 thì lần lần dân tộc ta xây dựng được những triều đại huy hoàng. Có độc lập tự chủ chúng ta mới có những triều đại như Lý Trần Lê Nguyễn mới có những minh quân vĩ đại như Lý Thái Tổ, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông, Quang Trung Hoàng Đế, Nguyễn Thế Tổ Cao Hoàng (Gia Long) v.v... mới có những danh tướng như Lý Thường Kiệt, Tôn Đản, Trần Hưng Đạo, Trần quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Lê Lai, Võ Tánh, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, v.v... mới có những văn thần như Lê Văn Hưu, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du... mới có những chiến công oanh liệt như đánh Tống bình Chiêm, đại phá quân Nguyên và đánh đuổi quân Minh, quân Thanh.... Suốt trong chiều dài lịch sử 945 năm tự chủ, chỉ có vài lần quân ta thất bại dưới tài cầm binh của Chế Bồng Nga anh hùng còn hầu hết những lần đụng độ với quân Chiêm, quân Miên hay quân Thái quân ta đều toàn thắng. Nhưng việc quan trọng nhất của thời kỳ này là lãnh thổ Việt Nam gia tăng gấp ba lần và dân số gia tăng cả chục lần.



TÔI LẠI THẮC MẮC

Đọc sử nước nhà tôi thấy có hai điều ngạc nhiên lý thú:

- Thứ nhất tại sao bị lệ thuộc đến một ngàn năm mà dân ta không bị người Tàu đồng hoá?

- Thứ hai tại sao dân ta lại có sức bành trướng mãnh liệt như vậy trong khi các dân tộc láng giềng không có?

Điều thứ nhất có nhiều sách nói rằng dân ta có tánh quật cường và cụ Trần Trọng Kim cũng đề cập như sau trong "Việt Nam Sử Lược": "*Dẫu thế nào mặc lòng hết đời Bắc thuộc rồi thì người Giao châu ta có một cái nghị lực riêng và cái tính cách riêng để độc lập chớ không chịu lẫn với nước Tàu. Duy chỉ có sự sùng tín sự học vấn cách cai trị thì bao giờ mình cũng chịu cái ảnh hưởng của Tàu.*" (Quyển I)

Còn điều thứ hai ông Phạm Xuân Đài trong quyển "Hà Nội Trong Mắt Tôi" có một vài nhận xét cũng đáng chú ý: "*Đạo lý của Việt Nam là đạo lý sinh tồn có thể nhanh chóng tạo nên sức mạnh tổng hợp để chống kẻ thù khi nước bị ngoại xâm và khi dân đã quá đông với mảnh đất xưa chật hẹp thì cũng có khả năng thanh toán nhanh chóng kẻ láng giềng để giành lấy đất sống cũng giống như khi chính quyền quá bạo ngược thì cũng sẵn sàng chấp nhận để đi ra thế giới tìm đất sống... Phải sống còn phải sống còn đó là sức mạnh thôi thúc nội tại mãnh liệt nhất trong con người Việt Nam...*" (trang 160). Và "*Tôi thấy sự ra đi của người Việt Nam có tính cách định mệnh hơn là do tình cờ của lịch sử đi miên man trên đường gian nan không cưỡng lại được. Ống kính của Walt Disney đã thu được hình ảnh những bầy chuột đông vô số kể tiến về bờ biển khi đến bờ vực con nọ nối đuôi con kia phóng xuống nước bơi ra khơi không chút do dự. Khi được xem đoạn phim đó tôi băn khoăn về cái ý muốn lạ lùng của tạo hoá.*" (trang 160)

"*Đi miên man trên đường gian nan*" có thể là rời bỏ cố đô Thăng Long lên đường Nam tiến hay rời bỏ Miền Nam tứa ra biển khơi để tránh chánh sách sai lầm sau năm 1975.

Có lẽ tôi sinh ra đúng vào "cung thắc mắc" nên sau cái chuyện một ngàn năm Bắc thuộc tôi lại thắc mắc chuyện khác. Từ cái tính cách riêng cái đạo lý sinh tồn và cái định mệnh không cưỡng lại được ấy tôi bằng khuâng tự hỏi:

- Nếu không bị Tàu đô hộ và theo một con tính thuần lý một ngàn năm tự chủ biên giới nước ta giáp tận Cao Miên, thì hai ngàn năm tự chủ liệu lãnh thổ Việt Nam có bao trùm Cao Miên, Lào và Thái Lan hay không?

- Trái lại cũng với chữ nếu đó liệu chúng ta có giống như hầu hết các nước Đông Nam Á khác chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ khiến cho tinh thần mềm yếu quốc gia không được tổ chức kiên cố và kỷ luật rồi số phận cũng đau thương như dân tộc Chăm hay không?

Tôi không hiểu tại sao xưa kia cô giáo lại khen khi tôi trả lời "*được lời.*" Có lẽ cô có quan điểm riêng hay chỉ nhìn vấn đề chỉ ở một vài khía cạnh nào đó. Những dẫn chứng đông dài trên đây tôi cố chứng minh rằng một ngàn năm Bắc thuộc dân ta được lời mà cũng bị lỗ.

Nó như chuyện Tái Ông Thất Mã của người Tàu, có rủi mà cũng có may. Nó như câu nói của Lão Tử: "*Có và không đều cùng sinh ra lẫn nhau. Dễ và khó đều cùng đưa nhau đến một kết quả. Dài ngắn rồi cũng cùng tạo hình dáng của nhau. Âm và thanh đều hoà vào nhau. Trước và sau đều tự thuộc lẫn nhau*" (Cố hữu vô tương sinh nan dị tương hành trường đoản tương hình cao hạ tương khuynh âm thanh tương hoà tiền hậu tương tự). Tôi cũng nghĩ rằng trên cõi đời này những chuyện lịch sử chánh trị xã hội... luôn luôn không rõ ràng và có

màu xám màu hỗn hợp của trắng cộng đen và theo thời gian cái gì là chân lý hôm nay, ngày mai có thể bị xét lại.

Di sản văn hoá Tàu cũng vậy ngày trước nó giúp cho dân tộc ta phát triển vượt trội nhưng ngày nay đã trở thành đối tượng bị chỉ trích. Có nhiều người cho rằng vào thế kỷ XIX lúc độc tôn Tống Nho đang thịnh hành thì não trạng của nho sinh và nho sĩ, giai tầng lãnh đạo đất nước bị xơ cứng. Họ mất đi những sáng kiến cần thiết thí dụ phải biết uốn chuyển như Nhật Bản và Thái Lan trước thế lực mới và nền văn minh mới để giữ vững nền độc lập. Và hiện nay vì mang nặng văn hoá truyền thống tinh thần đạo đức trí tuệ kỹ năng... của người Việt trong nước và hải ngoại dường như chưa theo kịp đà tiến hoá của nhân loại. Nặng nề hơn có tác giả còn so sánh Khổng giáo với chủ nghĩa Cộng sản và cho rằng Cộng sản "ít chà đạp nhân quyền bằng Khổng giáo nó kỳ thị ba đời chớ không tru di tam tộc" và "Vào lúc này di sản cụ thể nhất của Khổng giáo là gì? Đó là tâm lý ở ẩn cầu an tránh gian nguy nhân sĩ chờ thời thủ cựu vệ đạo..." (2).

Nhưng xin hãy thận trọng. Khổng giáo "già nua lẩm cẩm" của Đông phương ở tuổi 2500 có những khuyết điểm như thế còn những "chủ nghĩa" trẻ trung của Tây phương chỉ mới ở tuổi trên dưới 100 đã nhập cảng vào nước ta những điều tệ hại hơn. Chủ nghĩa Thực dân với sứ mạng "khai hoá các dân tộc nhược tiểu" đã biến dân ta thành nô lệ. Để đánh đuổi Thực dân người ta dùng chủ nghĩa Cộng sản một thời được coi là "bình minh của nhân loại" làm vũ khí và nước ta bị mất mát khá nhiều. Người bạn quý chủ nghĩa Tư bản nhảy vào giúp đánh Cộng sản để bảo vệ "lý tưởng tự do" thì nước ta có thêm 3 triệu thân xác làm phân bón cho cỏ cây, 1 triệu người

thành thuyền nhân tỵ nạn v.v. Ngày nay tự do, dân chủ, nhân quyền, kinh tế thị trường toàn cầu hoá... cũng là một thứ "chủ nghĩa" phát xuất từ Tây phương được đề cao như là "giá trị của thời đại" không biết có đem áp dụng vào nước ta được không? và khi được áp dụng có chắc nó giúp dân ta được an bình hạnh phúc hay không?

"Ôn cố tri tân" và nhìn về tương lai tôi không thấy điều gì chắc hết!

Hai Bâu (5/2000)

Tài liệu tham khảo:

- Việt Nam Văn Hoá Sử Cương - Đào Duy Anh.
- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim.
- Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ - Nguyễn Hiến Lê dịch.
- Đông Nam Á sử lược - Nguyễn Phú Tấn dịch.
- Hà Nội Trong Mắt Tôi - Phạm Xuân Đài

Ghi chú:

(1) Phật giáo từ Ấn Độ đồng thời cũng du nhập thẳng vào Giao chỉ (một quận huyện của Tàu)- và phát triển ở đây nhưng qua kinh sách bằng Hán tự bên cạnh các kinh sách khác

(2) Nguyễn Gia Kiểng "Để lịch sử đừng lặp lại"- Việt luận số 1474 ngày 29/4/2000 - Trang 34.)

